

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH PHÚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-PT
Ngày 05 - 01 - 2024
V/v “*Tranh chấp về chia tài sản
chung sau ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Anh Cường.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Ông Nguyễn Xuân Trọng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đào Thị Tuyền, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Vĩnh Phúc.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:**
Bà Lê Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét
xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2023/TLPT-HNGĐ ngày 05 tháng 10
năm 2023 về việc “*Tranh chấp về chia tài sản chung sau ly hôn*”.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 55/2023/HNGĐ-ST ngày 08
tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 25/2023/QĐ-PT ngày
15 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Chu Thị K, sinh năm 1958; địa chỉ: Thôn 3, xã Đ, huyện
V, tỉnh Vĩnh Phúc (Vắng mặt).

- **Bị đơn:** Ông Lê Văn P, sinh năm 1960; địa chỉ: Thôn 3, xã Đ, huyện V,
tỉnh Vĩnh Phúc (Có mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Anh Lê Văn N, sinh năm 1991; địa chỉ: Phường Q, thành phố L, tỉnh
Lai Châu (Vắng mặt).

+ Anh Lê Văn Th, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn 3, xã Đ, huyện V, tỉnh
Vĩnh Phúc (Vắng mặt).

Người kháng cáo: Ông Lê Văn P - Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/10/2022 cùng các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn bà Chu Thị K trình bày:

Bà kết hôn với ông Lê Văn P năm 1980, ông bà có 02 người con chung là anh Lê Văn Th, sinh năm 1982 và anh Lê Văn B, sinh năm 1987, ngoài ra ông Lê Văn P còn có con riêng là anh Lê Văn N, sinh năm 1991. Do mâu thuẫn vợ chồng nên bà và ông P đã được Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc giải quyết cho ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 59/2012/QĐST-HNGĐ ngày 11/6/2012 của Tòa án nhân dân huyện V.

Quá trình chung sống bà và ông Lê Văn P có tài sản chung bao gồm: 01 chiếc xe ô tô tải 05 tấn đứng tên ông Lê Văn P; 01 thửa đất thổ cư số 589, tờ bản đồ số 06, diện tích 100m² địa chỉ thôn 4, xã Đ, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Lê Văn P và bà Chu Thị K; 01 thửa đất thổ cư số 421, tờ bản đồ số 4 diện tích 212m² ở thôn 3, xã Đ, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Lê Văn P; 01 thửa đất diện tích 138m² (Đất đấu thầu) đứng tên bà là Chu Thị K nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở thôn 8, xã Đ, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; 01 thửa đất ở thôn 8 (Đất đấu thầu) diện tích bao nhiêu thì bà không nhớ đứng tên ông Lê Văn P chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguồn gốc thửa đất số 421, tờ bản đồ số 4 diện tích 212m² ở thôn 3, xã Đ, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc là do ông cha để lại cho vợ chồng, còn các tài sản khác là do vợ chồng tạo lập được.

Khi ly hôn bà và ông P không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản mà chỉ giải quyết về ly hôn và giao nuôi con chung, còn về tài sản chung ông bà đã có văn bản thỏa thuận riêng về việc phân chia tài sản chung theo nội dung thỏa thuận ngày 07/5/2012 như sau:

1. Thửa đất thổ cư số 589, tờ bản đồ số 06, diện tích 100m² địa chỉ thôn 4, xã Đ, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc đã được UBND huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 301975 vào ngày 26/11/2010 đứng tên ông bà là Lê Văn P và Chu Thị K thỏa thuận chia cho bà là Chu Thị K cùng con trai là Lê Văn N, sinh năm 1991 sở hữu chung.

2. Thửa đất thổ cư số 421, tờ bản đồ số 4 diện tích 212m² ở thôn 3, xã Đ, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc đã được UBND huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Lê Văn P, thỏa thuận cho bà là Chu Thị K và hai con là Lê Văn Th, sinh năm 1982 và Lê Văn B, sinh năm 1987 với điều kiện chỉ được ở không được phép chuyển nhượng hay giao dịch khác đối với thửa đất này và sau này người thừa kế thửa đất đó là Lê Văn N.

3. Thửa đất thổ cư ở thôn 8, xã Đ, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc do bà đấu thầu được của UBND huyện V với diện tích là 138m² chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sẽ giao cho ông Lê Văn P sử dụng.

Sau khi thỏa thuận xong thì ông P đã bán 02 thửa đất do ông P và bà đầu thầu được ở thôn 8, xã Đ và 01 chiếc xe ô tô tải, do vậy hiện nay chỉ còn lại 02 thửa đất gồm: Thửa đất thổ cư số 589, tờ bản đồ số 06, diện tích 100m² địa chỉ thôn 4, xã Đ đứng tên ông bà và Thửa đất thổ cư ở tại thôn 3, xã Đ, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc có diện tích là 212m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Lê Văn P. Ngoài ra bà và ông P không còn tài sản gì chung nhau nữa.

Nay ông P không đồng ý phân chia tài sản theo văn bản thỏa thuận ngày 07/5/2012, nên bà có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc phân chia tài sản chung của bà và ông P theo văn bản thỏa thuận nói trên. Bà đề nghị được sử dụng thửa đất diện tích 100m² ở thôn 4, xã Đ, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, còn thửa đất ở thôn 3 diện tích là 212m² bà và các con đang ở thì bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì lý do ông P đã bán 02 thửa đất ở thôn 8 để lấy tiền trả nợ riêng nên ông P không có quyền yêu cầu đòi tài sản nói trên nữa. Hiện nay thửa đất diện tích 100m² ở thôn 4, xã Đ, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc bà đang cho thuê để lấy tiền nuôi con, thửa đất ở thôn 3 bà đang ở cùng con trai là anh Lê Văn Th (hiện nay đang bị bệnh đao, liệt, nằm đâu nằm đó) còn anh Lê Văn B đã chết năm 2020.

Bị đơn ông Lê Văn P trình bày: Về quá trình chung sống, ly hôn và tài sản chung của ông bà theo như bà K đã trình bày là đúng. Tuy nhiên toàn bộ tài sản là do ông đi làm mua được, khi mua tài sản là do ông vay nợ để mua. Sau khi ly hôn ông không muốn để bà K phải suy nghĩ nên ông đã thỏa thuận thống nhất với bà K về việc phân chia tài sản. Về nguồn gốc 02 thửa đất ở thôn 8 là do ông đi đầu thầu và để hai người mỗi người đứng tên một thửa (Vì không có giá trị) nên ông đã thỏa thuận với bà K là để ông sử dụng cả hai thửa đất ở thôn 8 và ông sẽ đưa cho bà K 23 cây vàng, sau đó do ông làm ăn bị thua lỗ nên ông đã bán đất để trả nợ. Cụ thể: Sau khi ly hôn ông đã bán 01 chiếc xe ô tô tải được 500.000.000đồng, còn 02 thửa đất ở thôn 8 ông đã bán một thửa được 1.050.000.000đồng và gán nợ 01 thửa đất trị giá 1.500.000.000đồng, toàn bộ số tiền bán đất và bán xe ô tô ông sử dụng trả nợ, không đưa cho bà K đồng nào. Hiện nay ông đang ở trên thửa đất do các cụ để lại. Còn bà K cùng con trai là anh Lê Văn Th đang sử dụng cả hai thửa đất còn lại. Nay quan điểm của ông không đồng ý chia đất theo yêu cầu của bà K mà ông yêu cầu giữ nguyên hiện trạng tài sản không phân chia cho ai, ông vẫn để cho bà K sử dụng nhưng không sang tên cho bà K và anh N, sau này đến thời gian thích hợp thì ông sẽ cho con trai là anh Lê Văn N. Về thửa đất diện tích 212m² ông đề nghị giữ nguyên hiện trạng cho mẹ con bà K ở, không phân chia nhưng bà K phải đưa cho ông cầm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì là đất của ông cha cho riêng ông. Về văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung đề ngày 07/5/2012 ông thừa nhận đúng là

chữ ký của ông, khi đó ông cũng muốn phân chia tài sản theo sự thỏa thuận đó nhưng sau đó do con trai ông là anh Lê Văn N đã tự ý bán đất không được sự đồng ý của ông nên ông không đồng ý cho con trai ông nữa. Nay ông không đồng ý với văn bản thỏa thuận nói trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Văn N trình bày: Anh là con trai của ông Lê Văn P và bà Nguyễn Thị U, bố anh kết hôn với bà Chu Thị K và sinh được 02 người con chung là Lê Văn B và Lê Văn Th, do hai anh trai bị bệnh nên bố anh có chung sống với mẹ anh sinh được anh là con trai riêng, sau khi anh sinh được hơn 01 tuổi thì bố anh đưa anh về ở cùng bà Chu Thị K, vì vậy anh đã ở cùng với bà Chu Thị K và bố là Lê Văn P từ nhỏ cho đến năm 2010 thì anh đi làm ăn tại thành phố L, thi thoảng về nhà thì anh về ở cùng mẹ là bà Chu Thị K, đến năm 2015 anh lấy vợ, bố mẹ anh là ông P và bà K là người đứng ra tổ chức cưới cho anh, sau đó anh đưa vợ con lên ở tại thành phố L ở. Khi bố anh và bà Chu Thị K ly hôn năm 2012 thì bố mẹ anh đã có văn bản thỏa thuận riêng về việc phân chia tài sản ngày 07/5/2012 như mẹ anh là bà Chu Thị K đã trình bày là đúng. Sau khi thỏa thuận phân chia tài sản xong thì bố anh là ông P đã bán 02 thửa đất ở thôn 8, xã Đ và 01 chiếc xe ô tô tải, do vậy hiện nay chỉ còn lại 02 thửa đất gồm: Thửa đất thổ cư số 589, tờ bản đồ số 06, diện tích 100m² địa chỉ thôn 4, xã Đ đứng tên bố mẹ anh là Lê Văn P và Chu Thị K và thửa đất thổ cư ở tại thôn 3, xã Đ, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc có diện tích là 212m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Lê Văn P.

Nay bố anh không đồng ý phân chia tài sản theo văn bản thỏa thuận nói trên, nên mẹ anh yêu cầu Tòa án giải quyết việc phân chia tài sản chung của bố mẹ anh theo văn bản thỏa thuận chung. Hiện nay mẹ anh đang ở cùng anh trai là Lê Văn Th (đang bị bệnh liệt, nằm đâu nằm đó) trên thửa đất diện tích 212m² ở tại thôn 3, xã Đ, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc do ông bà nội anh để lại, còn anh Lê Văn B đã chết từ năm 2020. Nay quan điểm của anh không có yêu cầu đề nghị gì đối với thửa đất thổ cư số 589, tờ bản đồ số 06, diện tích 100m² địa chỉ thôn 4, xã Đ vì lý do anh ở với bố mẹ từ nhỏ đến lớn lên, anh không có đóng góp gì vào tài sản của bố mẹ anh, nếu anh được hưởng tài sản thì anh đề nghị giao cho mẹ anh là bà Chu Thị K toàn quyền sử dụng đối với thửa đất nói trên. Còn đối với thửa đất số 421, tờ bản đồ số 4, diện tích 212m² mà hiện nay mẹ anh đang ở cùng anh trai là Lê Văn Th thì sau này anh sẽ là người được hưởng thừa kế để làm nơi thờ cúng, anh sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết sau.

Tại bản án sơ thẩm số 55/2023/HNGĐ-ST ngày 08 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 33 và Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 1 Điều 28;

điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Chu Thị K về việc phân chia tài sản chung sau khi ly hôn.

Giao cho bà Chu Thị K được quyền sử dụng thửa đất thổ cư số 589, tờ bản đồ số 06, diện tích 100m² địa chỉ thôn 4, xã Đ, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc đã được UBND huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 301975 vào ngày 26/11/2010 đứng tên ông Lê Văn P và bà Chu Thị K (Có sơ đồ kèm theo).

Bà Chu Thị K được quyền liên hệ đến cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/8/2023, ông Lê Văn P có đơn kháng cáo, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm chia cho ông và bà K mỗi người một nửa thửa đất số 589, tờ bản đồ số 06, diện tích 100m² ở thôn 4, xã Đ, huyện V, tỉnh Vĩnh phúc.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 55/2023/HNGĐ-ST ngày 08/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị đơn làm trong hạn luật định, đơn hợp lệ được xem xét giải quyết.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Chu Thị K; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng trên. Cấp sơ thẩm xác định anh Lê Văn Th là

người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án này là chưa chính xác vì trong vụ án này bà K khởi kiện yêu cầu phân chia tài sản chung sau ly hôn, anh Thắng bị bệnh từ nhỏ không tự đi lại phục vụ bản thân và không có công sức gì trong khối tài sản chung của bà K và ông P. Bà Chu Thị K không khởi kiện yêu cầu công nhận văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân mà khởi kiện yêu cầu phân chia tài sản chung sau ly hôn, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp chia tài sản chung sau ly hôn là có căn cứ.

[2] Về nội dung: Xét nội dung kháng cáo của ông Lê Văn P đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm chia cho ông và bà Chu Thị K mỗi người 1/2 thửa đất số 589, tờ bản đồ số 06, diện tích 100m² ở thôn 4, xã Đ, huyện V, tỉnh Vĩnh phúc. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Bà Chu Thị K và ông Lê Văn P kết hôn năm 1980, quá trình chung sống, ông bà đều thừa nhận đã tạo lập được tài sản gồm: 01 chiếc xe ô tô tải 05 tấn đứng tên ông Lê Văn P; 01 thửa đất thổ cư số 589, tờ bản đồ số 06, diện tích 100m² địa chỉ thôn 4, xã Đ, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Lê Văn P và bà Chu Thị K; 01 thửa đất diện tích 138m² (Đất đấu thầu) đứng tên bà Chu Thị K và 01 thửa đất ở thôn 8 (Đất đấu thầu) đứng tên ông Lê Văn P đều ở thôn 8, xã Đ nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; 01 thửa đất thổ cư số 421, tờ bản đồ số 4 diện tích 212m² ở thôn 3, xã Đ, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Lê Văn P, nguồn gốc thửa đất do ông cha để lại.

Do mâu thuẫn vợ chồng bà K và ông P đã làm thủ tục ly hôn, tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 59/2012/QĐST-HNGĐ ngày 11/6/2012 của Tòa án nhân dân huyện V đã giải quyết cho ông bà được thuận tình ly hôn. Khi ly hôn ông bà đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản mà chỉ yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân và con chung, còn về tài sản chung ông bà đã có văn bản thỏa thuận riêng ngày 07/5/2012, tại phiên tòa phúc thẩm ông P cho rằng sau khi ra tòa ông bà mới thỏa thuận phân chia tài sản và xin xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Đ ngày 05/7/2012. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm ông P cũng thừa nhận chữ ký trong văn bản thỏa thuận đúng là chữ ký của ông, khi thỏa thuận ông hoàn toàn tự nguyện, không bị ai lừa dối, ép buộc. Xét văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung của bà K và ông P là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với điều kiện thực tế của bà K và ông P tại thời điểm giải quyết việc ly hôn ngày 11/6/2012. Về nội dung thỏa thuận không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm, văn bản thỏa thuận đã được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã Đ. Theo quy định tại Điều 29 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 thì khi hôn nhân tồn tại, trong trường hợp vợ chồng đầu tư kinh doanh riêng, thực hiện nghĩa vụ dân sự riêng hoặc có lý do chính đáng khác thì vợ chồng có thể thỏa thuận chia tài sản chung. Tại thời điểm này luật chưa quy định

văn bản phải được công chứng hoặc chứng thực. Sau khi phân chia tài sản bà K và ông P đã sử dụng tài sản theo đúng thỏa thuận, quá trình sử dụng ông P đã bán xe ô tô, 02 thửa đất để trang trải riêng không chia cho bà K. Nay ông P không đồng ý chia tài sản theo văn bản thỏa thuận ngày 07/5/2012, bà K không khởi kiện yêu cầu Tòa án công nhận văn bản thỏa thuận có hiệu lực mà khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung sau ly hôn đối với thửa đất số 589, tờ bản đồ số 06, diện tích 100m² địa chỉ thôn 4, xã Đ, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết yêu cầu chia tài sản chung sau ly hôn là có căn cứ.

Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, anh N khẳng định toàn bộ tài sản của bà K và ông P là do ông bà tạo lập, anh N không có công sức, đóng góp gì, anh N đề nghị Tòa án chia cho bà K toàn bộ thửa đất số 589, tờ bản đồ số 06, diện tích 100m² địa chỉ thôn 4, xã Đ, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh N vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm (BL 25, 55, 105).

Xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Đ cho biết: Hiện nay bà Chu Thị K đang sống cùng người con trai bị khuyết tật nặng là anh Lê Văn Th (Bị bệnh nằm đầu nằm đó) còn anh Lê Văn B đã chết năm 2020, anh Lê Văn N là con trai riêng của ông Lê Văn P nhưng bà K là người trực tiếp nuôi dưỡng từ khi còn nhỏ cho đến khi anh N trưởng thành, có gia đình hiện nay đang ở thành phố L, tỉnh Lai Châu. Nguồn gốc thửa đất số 421, tờ bản đồ số 4, diện tích 212m² ở thôn 3, xã Đ, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Lê Văn P là đất của ông cha ông P để lại, còn thửa đất thổ cư số 589, tờ bản đồ số 06, diện tích 100m² địa chỉ thôn 4, xã Đ bà K cho thuê lấy tiền hàng tháng nuôi con bệnh tật. Quá trình giải quyết vụ án, bà K, anh N không yêu cầu phân chia tài sản là thửa đất thổ cư số 421, tờ bản đồ số 4, diện tích 212m² ở thôn 3, xã Đ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông P cho rằng Hội đồng định giá tài sản định giá thửa đất số 589, tờ bản đồ số 06, diện tích 100m² địa chỉ thôn 4, xã Đ với giá 4.800.000đồng/m² là không phù hợp với giá thực tế. Tuy nhiên, tại buổi định giá ông P có mặt, không có ý kiến gì và đồng ý ký biên bản. Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để xem xét ý kiến của ông P.

Từ những phân tích trên cho thấy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung sau ly hôn theo thỏa thuận phân chia tài sản chung tại văn bản thỏa thuận ngày 07/5/2012 đối với thửa đất thổ cư số 589, tờ bản đồ số 06, diện tích 100m² địa chỉ thôn 4, xã Đ, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc của bà Chu Thị K là phù hợp nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông P. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông P,

giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Án phí:

Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Chu Thị K là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định.

Án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm: Ông Lê Văn P là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn P, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 55/2023/HNGĐ-ST ngày 08/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 33 và Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chia cho bà Chu Thị K được quyền sử dụng thửa đất thổ cư số 589, tờ bản đồ số 06, diện tích 100m² địa chỉ thôn 4, xã Đ, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc đã được Ủy ban nhân dân huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 301975 vào ngày 26/11/2010 đứng tên ông Lê Văn P và bà Chu Thị K (tức Chu Thị Liễu, có sơ đồ kèm theo).

Bà Chu Thị K được quyền liên hệ đến cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm: Ông Lê Văn P không phải nộp.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND huyện V;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đỗ Anh Cường